

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 28-12-2021

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Liên**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Dung**

Bà **Đỗ Thị Tâm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Bích Cẩm** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Thanh Bắc** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 09/2021/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà **Trần Thị Lệ T**, sinh năm 1976;

Chứng minh nhân dân số: do Công an tỉnh Quảng Nam cấp ngày 22/02/2013;

Hiện trú tại: khối phố N, phường Đ, thị xã B, tỉnh Quảng Nam.

2. *Bị đơn:* ông **Tony T**, sinh năm 1968;

Quốc tịch: Hoa Kỳ;

Hộ chiếu số: 523444...

Hiện trú tại: 1621 E Hunting PA P, PA, Hoa Kỳ;

Địa chỉ liên hệ: khối phố N, phường Đ, thị xã B, tỉnh Quảng Nam.

(*Nguyên đơn, bị đơn xin xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị Lệ T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Tony T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam (theo trích lục kết hôn số 04/TLKH-BS ngày 10/5/2021). Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sinh sống tại phường Điện An, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam được một thời gian ngắn thì ông Tony T sang lại Hoa Kỳ. Do sống quá xa nhau nên vợ chồng bà rất ít gặp nhau, cũng không có con chung để làm sợi dây kết nối, từ đó tình cảm vợ chồng dần phai

nhật, rồi không còn tình cảm với nhau. Vợ chồng bà đã nhiều lần quyết định ly hôn nhưng rồi cố nhịn cho qua. Vài năm gần đây, bà và ông Tony T hầu như không còn liên lạc với nhau, dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Tony T.

- *Về con chung*: Bà và ông Tony T không có con chung. Tuy nhiên, trong thời kỳ hôn nhân giữa bà và ông Tony T, bà đã có một người con riêng tên là Nguyễn Minh T, sinh ngày 07/02/2011, hiện đang sống với bà. Do cháu Triết là con riêng của bà, không có liên quan gì đến ông Tony T nên bà tiếp tục nuôi dưỡng, không có yêu cầu gì đối với ông Tony T.

- *Về tài sản chung*: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Vợ chồng bà không nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng bà.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Tony T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông thống nhất với bà Trần Thị Lệ T về thời gian và điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông sinh sống tại phường Điện An, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam được một thời gian ngắn thì ông sang lại Hoa Kỳ để làm việc. Từ đó đến nay, vợ chồng ông rất ít gặp nhau phần vì công việc, phần vì cuộc sống mưu sinh và phần vì ông và bà T sống quá xa nhau. Hơn nữa, vợ chồng ông cũng chưa có con để có thể làm sợi dây kết nối nên vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Vài năm gần đây, ông và bà T hầu như không còn liên lạc với nhau, không quan tâm nhau, nên mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý ly hôn với bà T.

- *Về con chung*: Vợ chồng ông không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, trong thời kỳ hôn nhân giữa ông và bà T, bà T đã có một người con riêng tên là Nguyễn Minh T, sinh ngày 07/02/2011 đang sống với bà T, không có liên quan gì đến ông nên ông không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung*: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Vợ chồng ông không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng ông.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đã thực hiện và chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Lệ T về việc “Xin ly hôn”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Ngày 17/5/2021, bà Trần Thị Lệ T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết cho bà được ly hôn với ông Tony T. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn”. Bị đơn ông Tony T đang cư trú tại Hoa Kỳ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam theo Điều 122, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc hòa giải vụ án và sự vắng mặt của các đương sự:* nguyên đơn bà Trần Thị Lệ T có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng; theo đơn trình bày ngày 03/11/2021, bị đơn ông Tony T đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà T và ông xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, đã được Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Houston, Hoa Kỳ chứng thực ngày 03/11/2021. Căn cứ khoản 2, 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án. Tại phiên tòa, bà Trần Thị Lệ T và ông Tony T đều vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị Lệ T và ông Tony T.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị Lệ T và ông Tony T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam (theo trích lục kết hôn số 04/TLKH-BS ngày 10/5/2021). Hôn nhân của bà T và ông Tony T là hợp pháp, nên được pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng khi giải quyết vụ kiện. Bà T và ông Tony T đều thừa nhận sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau tại Việt Nam được một thời gian ngắn thì ông Tony T trở về Hoa Kỳ nên vợ chồng ít gặp nhau; ông, bà lại không có con chung để làm sợi dây kết nối đã dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, bà T làm đơn xin được ly hôn với ông Tony T; ông Tony T đồng ý ly hôn. Xét thấy, bà Trần Thị Lệ T và ông Tony T không sống chung với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.2] *Về con chung:* bà Trần Thị Lệ T và ông Tony T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 07/02/2011, bà T và ông Tony T đều xác nhận là con riêng của bà T, không có liên quan gì đến ông Tony T và bà T không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* bà Trần Thị Lệ T và ông Tony T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thì bà Trần Thị Lệ T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 122, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Lệ T.

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị Lệ T được ly hôn với ông Tony T.

2. Về án phí: bà Trần Thị Lệ T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002674 ngày 18/6/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

3. Về quyền kháng cáo: bà Trần Thị Lệ T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Ông Tony T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THA tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- UBND tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Liên